

Số : 889/QĐ-ĐHNL-KHTC

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Quy định mức học phí đào tạo bậc đại học hệ vừa làm vừa học  
năm học 2022-2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-ĐHNL-VLVH ngày 20/5/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định về tổ chức quản lý đào tạo hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ Nghị quyết 28/NQ-HĐT ngày 05/9/2022 của Hội đồng Trường Đại học Nông Lâm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 9/9/2022 của Hội đồng Trường Đại học Nông Lâm v/v Phê duyệt Phương án tính mức học phí năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định 770/QĐ-ĐHNL-KHTC ngày 13/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm về việc điều chỉnh mức học phí đào tạo bậc đại học hệ chính quy năm 2022-2023;

Căn cứ vào các hợp đồng đã ký giữa Nhà trường với các cơ sở liên kết;

Theo đề nghị của các ông, bà: Trưởng phòng KHTC, Giám đốc Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay quy định mức thu học phí đào tạo bậc đại học hệ vừa làm vừa học (VLVH), văn bằng 2, liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học hệ VLVH năm học 2022 - 2023 của Trường Đại học Nông Lâm.

*(Có mức thu học phí từng ngành/chuyên ngành cụ thể kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực cho năm học 2022-2023.

**Điều 3.** Các ông, bà: Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Giám đốc trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội, các cơ sở liên kết, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- BGH (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.



**QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC  
HỆ VỮA LÀM VỮA HỌC NĂM HỌC 2022-2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 889/QĐ-ĐHNL-KHTC ngày 24 tháng 10 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

ĐVT: Đồng

TT	Ngành/ Chuyên ngành đào tạo	Mức thu học phí hệ VLVH theo tháng	Mức thu học phí hệ VLVH theo tín chỉ
<b>I</b>	<b>Nhóm ngành 3</b>		
1	Bất động sản	1.562.500	451.700
2	Kinh doanh quốc tế	1.562.500	484.300
<b>II</b>	<b>Nhóm ngành 4</b>		
3	Công nghệ sinh học	1.687.500	484.300
4	Khoa học môi trường	1.687.500	482.500
<b>III</b>	<b>Nhóm ngành 5</b>		
5	Công nghệ kỹ thuật môi trường	1.812.500	528.600
6	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	1.812.500	536.100
7	Công nghệ thực phẩm	1.812.500	518.200
8	Công nghệ chế biến lâm sản	1.812.500	528.600
9	Chăn nuôi thú y	1.812.500	528.600
10	Dược - Thú y	1.812.500	528.600
11	Khoa học cây trồng	1.812.500	525.100
12	Kinh tế nông nghiệp	1.508.000	460.000
13	Lâm sinh	1.812.500	514.800
14	Quản lý tài nguyên rừng	1.812.500	514.800
15	Nông lâm kết hợp	1.812.500	514.800
16	Nông nghiệp công nghệ cao	1.812.500	508.200
17	Phát triển nông thôn	1.493.500	460.000
18	Kinh doanh nông nghiệp	1.812.500	557.300
19	Bảo vệ thực vật	1.812.500	629.200
20	Dược liệu và các hợp chất thiên nhiên	1.812.500	528.600
21	Thú y( BS Thú y)	1.812.500	525.800
<b>IV</b>	<b>Nhóm ngành 7</b>		
22	Quản lý thông tin	1.668.000	480.000
23	Quản lý đất đai	1.680.000	480.000
24	Quản lý tài nguyên thiên nhiên và du lịch sinh thái	1.656.000	480.000